

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2013/QĐ-UBND

*Tuy Hòa, ngày 16 tháng 7 năm 2013*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, khu phố  
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 186/TTr-SNV ngày 24 tháng 5 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND  
ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh Phú Yên)*

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

##### **Điều 2. Thôn, buôn, khu phố**

1. Thôn, buôn (gọi chung là thôn) được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.
2. Khu phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là khu phố.
3. Thôn, khu phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

##### **Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố**

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (sau đây gọi chung là Thông tư số 04/2012/TT-BNV) và các quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương II**

#### **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ**

##### **Điều 4. Tổ chức của thôn, khu phố**

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn, 01 Phó thôn và các tổ chức tự quản khác của thôn.
2. Mỗi khu phố có Trưởng khu phố, 01 Phó khu phố và các tổ chức tự quản khác của khu phố.

**Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, khu phố**

Nội dung hoạt động của thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2012/TT-BNV và các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 6. Hội nghị của thôn, khu phố**

1. Tổ chức sinh hoạt, hội nghị ở thôn, khu phố:

a) Thôn, khu phố tổ chức hội nghị mỗi năm 2 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm), khi cần thiết có thể họp bất thường.

b) Trưởng thôn, Trưởng khu phố đôn đốc các hộ gia đình tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt, hội nghị của thôn, khu phố nơi cư trú cũng như thực hiện tốt các nghĩa vụ theo quy định.

c) Hội nghị ở thôn, khu phố được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố tham dự.

d) Việc tổ chức đề nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Thành phần tham dự sinh hoạt, hội họp:

a) Chủ trì: Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

b) Thành phần tham dự: Toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, khu phố và mời đại diện chi ủy chi bộ thôn, khu phố, công an xã, phường, thị trấn phụ trách khu vực hoặc công an viên, bảo vệ dân phố, thôn đội, dân phòng.

3. Nội dung sinh hoạt, hội họp:

a) Trưởng thôn, trưởng khu phố báo cáo tình hình chung và kết quả thực hiện nhiệm vụ của thôn, khu phố và phổ biến lại nội dung kết luận tại cuộc họp giao ban với Chủ tịch UBND cấp xã, cuộc họp với Bí thư chi bộ thôn, khu phố.

b) Giải đáp hoặc ghi nhận các ý kiến, kiến nghị của người dân để báo cáo UBND cấp xã xem xét, giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

c) Phổ biến, triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hoặc một số nội dung công việc khác (nếu có) của thôn, khu phố trong thời gian đến để người dân biết, thực hiện.

**Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới**

Việc thành lập thôn mới, khu phố mới phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư 04/2011/TT-BNV và các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 8. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Tờ trình xin chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ) để thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới.

2. Sau khi có chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, khu phố mới.
- b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới.
- c) Vị trí địa lý, ranh giới của thôn mới, khu phố mới (có sơ đồ thể hiện vị trí địa lý).
- d) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới.
- đ) Diện tích tự nhiên của thôn mới, khu phố mới (đối với thôn phải chi tiết số liệu về diện tích đất ở, đất sản xuất), đơn vị tính là hecta.
- e) Các điều kiện khác.
- g) Đề xuất, kiến nghị.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

4. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% (năm mươi phần trăm) số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì UBND cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Đối với các phường thuộc thành phố Tuy Hòa thì điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân thì UBND phường hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình UBND thành phố Tuy Hòa.

5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành

lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện).

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

7. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, khu phố mới. Sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định thành lập thôn mới, khu phố mới.

**Điều 9. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có**

Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV và các quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương III** **TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ** **VÀ PHÓ THÔN, PHÓ KHU PHỐ**

**Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố**

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2012/TT-BNV và các quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó thôn, Phó khu phố**

Phó thôn, Phó khu phố là người giúp việc cho Trưởng thôn, Trưởng khu phố và có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Trưởng thôn, Trưởng khu phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Trưởng khu phố điều hành công việc khi được Trưởng thôn, Trưởng khu phố ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Trưởng thôn, Trưởng khu phố và trước pháp luật về các quyết định của mình.

**Điều 12. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó thôn, Phó khu phố**

1. Trưởng thôn và Trưởng khu phố có nhiệm kỳ là hai năm rưỡi. Trường hợp thành lập thôn mới, khu phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời hoạt động cho đến khi cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, khu phố bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời.

2. Nhiệm kỳ của Phó thôn, Phó khu phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Trưởng khu phố.

**Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó thôn, Phó khu phố**

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó thôn, Phó khu phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, khu phố.

2. Có độ tuổi từ đủ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên.

3. Có sức khỏe, có hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

4. Có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên đối với các thôn thuộc xã miền núi và có trình độ văn hóa tốt nghiệp trung học phổ thông đối với các thôn thuộc xã đồng bằng; có năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

**Điều 14. Quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó thôn, Phó khu phố tại hội nghị thôn, khu phố**

Quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó thôn, Phó khu phố tại hội nghị thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**Điều 15. Quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố khi tổ chức thành cuộc bầu cử riêng**

1. Công tác chuẩn bị bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố:

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, khu phố hoặc Cấp ủy cấp xã (nơi chưa có chi bộ thôn, khu phố) để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 1-2 người).

c) Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử từ 07 đến 11 người (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố; Thư ký và các thành viên khác là

đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, khu phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, khu phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

d) Cử tri trong thôn, khu phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định có quyền tự ứng cử hoặc giới thiệu người có đủ điều kiện ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Đơn ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử phải cung cấp đầy đủ thông tin về họ tên, năm sinh, nghề nghiệp, nơi cư trú, trình độ học vấn theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi cho Tổ bầu cử chậm nhất là 05 ngày trước ngày bầu cử.

đ) Chậm nhất là 03 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử thông nhất với Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố ấn định danh sách những người ứng cử. Danh sách những người ứng cử được thông báo đến nhân dân trong thôn, khu phố, niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, khu phố chậm nhất là 02 ngày trước ngày bầu cử.

e) Danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bầu cử trưởng thôn, trưởng khu phố do Ủy ban nhân dân cấp xã lập hoặc phê duyệt theo danh sách do Tổ bầu cử hoặc Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố lập, được niêm yết tại địa điểm bỏ phiếu và những nơi công cộng trong thôn, khu phố chậm nhất là 24 giờ trước ngày bầu cử.

g) Việc bổ sung, sửa đổi những sai sót trong danh sách những người ứng cử và danh sách cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình chỉ được thực hiện trước khi Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu và phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

h) Việc bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín. Tổ bầu cử chịu trách nhiệm chuẩn bị đủ phiếu bầu theo mẫu quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi khai mạc cuộc bỏ phiếu. Tổ bầu cử phải niêm yết quy định về phiếu bầu hợp lệ, phiếu không hợp lệ tại khu vực bỏ phiếu và liên tục hướng dẫn để cử tri biết trong thời gian diễn ra bầu cử. Trường hợp nếu phiếu bầu chỉ ghi tên 01 người ứng cử thì phiếu gạch tên và phiếu không gạch tên người ứng cử đều là phiếu hợp lệ.

## 2. Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố:

a) Việc bỏ phiếu bắt đầu từ bảy giờ sáng đến bảy giờ tối. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu sớm hơn nhưng không được trước năm giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá mười giờ đêm.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc bỏ phiếu sớm hơn

ngày quy định, hoãn ngày bỏ phiếu (trong trường hợp thật sự cần thiết), việc tiếp tục hay không tiếp tục cuộc bỏ phiếu bị gián đoạn nêu tại Điểm c, Khoản 2, Điều này.

c) Cuộc bỏ phiếu bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện theo trình tự sau đây:

- Tổ trưởng Tổ bầu cử đọc quyết định công bố ngày tổ chức bầu cử; quyết định thành lập Tổ bầu cử, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri tham gia bầu cử; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố;

- Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, khu phố giới thiệu Danh sách những người ứng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố;

- Tổ bầu cử cử đại diện kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của cử tri;

- Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố bắt đầu việc bỏ phiếu;

- Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ trưởng Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu và giấy tờ liên quan, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã biết, xử lý;

d) Sau khi kết thúc cuộc bầu cử, Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại nơi bỏ phiếu. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời đại diện cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu;

Kết thúc kiểm phiếu, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, khu phố; số cử tri tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, khu phố;

Người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người đạt số phiếu bầu cao nhất và trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, khu phố;

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Tổ bầu cử và cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu.

đ) Tổ trưởng Tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

3. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, khu phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do UBND cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố thì Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, khu phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới.

Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Chủ tịch UBND cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời, UBND cấp xã phải tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới. Quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Quy chế này.

#### 4. Công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố:

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố hoặc quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Trưởng khu phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

#### **Điều 16. Quy trình bầu Phó thôn, Phó khu phố khi tổ chức thành cuộc bầu cử riêng**

Quy trình bầu Phó thôn, Phó khu phố khi tổ chức thành cuộc bầu cử riêng thực hiện như quy trình bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố quy định tại Điều 15 Quy chế này.

#### **Điều 17. Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố**

Quy trình miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

#### **Điều 18. Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố**

Kinh phí tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố do ngân sách cấp xã đảm bảo.

#### **Điều 19. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó thôn, Phó khu phố**

1. Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng và các chế độ, chính sách khác do HĐND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó thôn, Phó khu phố được đào tạo, bồi

dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 20. Trách nhiệm các sở, ban, ngành**

1. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định và trình UBND tỉnh việc thành lập thôn mới, khu phố mới.

b) Xây dựng kế hoạch, chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ cho Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố.

c) Phối hợp Sở Tài chính đề xuất UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quy định, điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng cũng như các chế độ, chính sách khác đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố.

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn UBND cấp huyện việc thực hiện các quy định của Quy chế này, định kỳ tháng 12 hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách; kinh phí hoạt động (nếu có) ở thôn, khu phố.

b) Phối hợp Sở Nội vụ đề xuất UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quy định kinh phí hoạt động, mức phụ cấp hàng tháng cũng như các chế độ, chính sách khác đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố.

3. Các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

### **Điều 21. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố**

1. Lập hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) đối với việc thành lập thôn mới, khu phố mới.

2. Quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có theo đúng trình tự quy định.

3. Chỉ đạo việc thực hiện chi trả mức phụ cấp hàng tháng và các chế độ, chính sách khác đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố theo đúng quy định hiện hành của HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

4. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố theo kế hoạch, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng của Sở Nội vụ.

5. Chỉ đạo, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy chế này trên địa bàn; định kỳ tháng 12 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp.

**Điều 22. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

1. Xây dựng đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có trình UBND cấp huyện.

2. Quyết định chỉ định Trưởng thôn, Trưởng khu phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn mới, khu phố mới. Quyết định công nhận kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố, Phó thôn, Phó khu phố theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì giao ban hàng tháng giữa UBND cấp xã với Trưởng thôn, Trưởng khu phố để nắm bắt thông tin, chỉ đạo kịp thời các hoạt động tại thôn, khu phố.

4. Tổ chức thực hiện chi trả phụ cấp hàng tháng và các chế độ, chính sách khác đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố theo quy định.

5. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả hoạt động của thôn, khu phố và các kiến nghị, đề xuất đề cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, bất hợp lý, các đơn vị, địa phương liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Cự**